TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02- 2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Văn Quý và bà Hà Thị Mơ.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Huy- Thư ký Toà án nhân dân huyện , tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L , tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L , tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị P T P, sinh năm 1997

2- Bị đơn: Anh Đ V T, sinh năm 1992

Đều có địa chỉ: khu 5, xã Xuân Thuỷ, huyện L , tỉnh T

*(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

*+Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/3023 và bản tự khai ngày 13/10/2023 nguyên đơn là chị P T P T bày:* chị P và anh Đ V T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L , tỉnh T vào ngày 21/12/2015. Việc kết hôn của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên có hành vi mắng chửi chị P. Chị và hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi tính cách, ngày càng tạo sự căng thẳng trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến hiện nay chị và anh Trinh đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ V T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị P T bày vợ chồng có 03 con chung là: Đinh Bảo Đ, sinh ngày 24/4/2015, Đinh Bảo C, sinh ngày 18/02/2017 và Đinh Thu T, sinh ngày 10/12/2020 (*hiện nay cháu Đ ở với chị P , còn cháu C và cháu T ở với anh T ).*

Quá T giải quyết chị P có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi con chung là Đinh Bảo Đ và cháu Đinh Thuy Thủy, còn để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đinh Bảo Châm. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Đinh Bảo Đ có quan điểm xin được ở với mẹ là chị P nếu bố mẹ cháu li hôn. Cháu Đinh Bảo C có quan điểm xin được ở với bố là anh T nếu bố mẹ cháu li hôn.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị P đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Đối với anh Đ V T: Quá T giải quyết vụ án anh Đ V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để làm việc và cũng không có văn bản, tài liệu nào gửi tòa án để thể hiện quan điểm của mình.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị P và anh T. Kết quả xác minh: Đại điện chính quyền địa phương và UBND xã T, Trưởng khu dân cư nơi chị P, anh T sinh sống và gia đình đã xác nhận. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị P, anh T đã có những mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi, chửi nhau. Việc chị P và anh T sống li thân là có thật, hiện nay chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng dân sự:* Trong quá T giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh Đ V T, tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: cho chị P T P được ly hôn anh Đ V T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị P T P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đinh Bảo Đ, sinh ngày 24/4/2015 và Đinh T Thuỷ, sinh ngày 10/12/2020. Giao cho anh Đ V T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Bảo C, sinh ngày 18/02/2017, đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị Phùng Thị Phương và anh Đinh Văn Trình là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh Trình có nơi cư trú tại xã Mỹ Lung, huyện , tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện , tỉnh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa P cho thấy: Sau khi kết hôn, chi P, anh T đã chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Thực tế chị P và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Khi tòa án giải quyết đơn ly hôn, triệu tập hai vợ chồng đến trụ sở Tòa án nhân dân để tiến hành hòa giải, mặc du biết nhưng anh T không đến tòa án để giải quyết. Do đó việc anh T không đến Tòa án để giải quyết là từ bỏ quyền lời của mình và điều đó cũng thể hiện anh Trinh không có thiện ý để hòa giải hàn gắn cuốc sống hôn nhân.

Như vậy, Căn cứ vào các tài liệu nêu trên thì cuộc sống hôn nhân của chị P và anh T đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P xin được ly hôn anh T là có căn cứ giải quyết li hôn theo yêu cầu một bên.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định Chị P và anh T có 03 con chung là cháu Đinh Bảo Đ, cháu Đinh Bảo C, Cháu Đinh Thu T. Quan điểm của chị P xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Bảo Đ và Cháu Đinh Thu T. Còn cháu Đinh Bảo C thì giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Đinh Bảo Đ có quan điểm xin được ở với mẹ là chị P. Cháu Đinh Bảo C có quan điểm xin được ở với anh T nếu bố mẹ cháu li hôn.

Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ và là trách nhiệm của bố, mẹ. Chị P và anh T có 03 con chung. Thực tế cháu Đ có mong muốn được ở với chị P, cháu C có mong muốn được ở vưới anh T. Do vậy cần giao cháu Đ cho chi P trực tiếp chăm sóc, nuôi dương, giao cháu C cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Đinh Thu T, sinh ngày 10/12/2020, cháu Thủy còn nhỏ (được 37 tháng tuổi) và là nữ, cần có nhiều sự chăm sóc từ người mẹ hơn. Do vậy việc giao cháu T cho chị P trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá T giải quyết chị P T bày không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị P T P được ly hôn anh Đ V T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị P T P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Bảo Đ, sinh ngày 24/4/2015 và Đinh T T, sinh ngày 10/12/2020. Giao cho anh Đ V T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Bảo Chhuỷ, sinh ngày 18/02/2017, đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị P, anh T không có yêu cầu.

Chị P và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị P T P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0006255 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện , tỉnh T. Chị P đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao, nhận hoặc bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện ;
- Chi cục THADS huyện ;
- UBND xã T;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thảo

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút ngày 01/02/2024. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo